

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2024/DS-ST

Ngày: 24/10/2024

V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 357/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thanh T, sinh năm: 1973, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Trúc L, sinh năm: 1977, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 06/9/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thanh T trình bày:**

Vào vụ Đông Xuân năm 2023, chị có tham gia 01 dây hui do chị Lê Thị Trúc L làm đầu thảo. Dây hui khai theo mùa vụ lúa 3 tháng khai một lần, gồm 20 phần, chị tham gia 01 phần, mỗi phần hui có giá trị 5.000.000 đồng. Khi khai hui, các bên thỏa thuận đóng 5.000.000 đồng hui sống và 7.000.000 đồng hui chết. Trong dây hui này, chị đã đóng cho chị L được 04 kỳ hui sống, khi đóng tiền hui cho chị L không có biên nhận gì cả. Đến lần khai hui thứ 05 chị đăng ký hốt hui nhưng chị L không giao tiền hui cho chị. Tổng cộng chị L còn nợ chị 0 kỳ hui với số tiền là 28.000.000 đồng.

Chị đã nhiều lần nhắc nhở về số tiền hội trên nhưng chị L cố tình không trả tiền. Nay chị yêu cầu chị L phải trả cho chị số tiền nợ hội là 28.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Theo bản tự khai ngày 02/10/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Lê Thị Trúc L trình bày:***

Chị Phạm Thanh T có tham gia 01 dây hội do chị làm đầu thảo, cụ thể: Dây hội khai theo mùa vụ lúa 3 tháng khai một lần, gồm 20 phần, chị T tham gia 01 phần, mỗi phần hội là 5.000.000 đồng/3tháng. Khi tham gia hội, chị và các hội viên có thỏa thuận hội sống đóng 5.000.000 đồng và hội chết đóng 7.000.000 đồng. Chị T đóng cho chị 0 kỳ hội sống với số tiền 28.000.000 đồng (Mỗi lần chị T đóng tiền hội cho chị thì chị đều viết biên nhận tiền đưa cho chị T giữ). Sau khi chị T đóng tiền hội vào kỳ hội thứ 4 cho chị thì chị ngưng không khai hội nữa. Đến khoảng tháng 4/2024 âm lịch thì chị đã trả lại cho chị T số tiền hội là 28.000.000 đồng, khi trả số tiền này chị không có làm biên nhận và không ai chứng kiến, chị chỉ thu lại biên nhận của 04 kỳ hội mà chị T đã đóng cho chị.

Đoạn ghi âm ngày 06/6/2024 mà chị T nộp cho Tòa án, chị đã nghe và xác định đúng giọng nói và nội dung mà chị đã nói nhưng do chị đã trả số tiền 28.000.000 đồng cho chị T rồi nên chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Phạm Thanh T yêu cầu bị đơn chị Lê Thị Trúc L trả số tiền nợ hội, chị Trúc L có địa chỉ tại ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng góp hội”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Xét giao dịch dân sự về việc tham gia góp hội giữa chị T với chị L có lập thành văn bản, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật, được hai bên thống nhất thừa nhận nên Hội đồng xét xử công nhận.

2.2. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong giao dịch góp hội trên, chị L là hội viên đã thực hiện góp hội theo quy

định tại khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phường. Tại phiên tòa, chị L thống nhất với chị T về số kỳ hui mà chị T đã đóng cho chị L trong đây hui mùa Đông Xuân năm 2023 là 04 kỳ hui với số tiền 28.000.000 đồng. Chị L cho rằng chị đã trả 28.000.000 đồng này cho chị T vào tháng 4/2024 nên không còn nợ tiền của chị T. Tuy nhiên, chị T không thừa nhận việc chị L có trả tiền cho chị, phía chị L cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh có trả tiền cho chị T. Đồng thời tại đoạn ghi âm vào ngày 06/6/2024 thể hiện nội dung chị L hứa trả số tiền của 04 phần hui cho chị T nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị L lại cho rằng chị đã trả tiền cho chị T vào tháng 4/2024. Điều này cho thấy, lời trình bày của chị L là không phù hợp và không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 428, Điều 471 của Bộ luật dân sự, Điều 18, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phường thì việc chị L tự ngưng hui là đơn phương chấm dứt hợp đồng, bên đã thực hiện nghĩa vụ có quyền yêu cầu bên kia thanh toán phần nghĩa vụ đã thực hiện đúng phần nghĩa vụ đã thực hiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị L phải hoàn trả lại cho chị T số tiền đã góp hui là 28.000.000 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 357, khoản 3 Điều 428; Điều 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 16, Điều 18, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phường;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thanh T.

Buộc chị Lê Thị Trúc L phải trả cho chị Phạm Thanh T số tiền 28.000.000 đ (Hai mươi tám triệu đồng), ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Phạm Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lê Thị Trúc L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Chị Lê Thị Trúc L phải chịu 1.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho chị Phạm Thanh T số tiền 700.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016867 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Thị Mỹ Nhanh

